

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/8/2019
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TPỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- *Tphần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào Vi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Xuân;
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân Tphố Huế

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tphố Huế tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Phương Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tphố Huế (Số 60 đường Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, Tphố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 93/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ 15, Khu vực 5, phường T, Tphố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

Bị đơn: Anh Ngô Thiên T, sinh năm 1975; Địa chỉ: 42 Đ, phường T, Tphố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2019, bản tự khai ngày 20/3/2019 của chị Lê Thị N, biên bản lấy lời khai của anh Ngô Thiên T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của chị Lê Thị N tại phiên tòa đã xác định được:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Ngô Thiên T tự nguyện kết hôn, đăng ký ngày 25/3/2010 tại Ủy ban nhân dân phường Thuận T, Tphố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ anh Ngô Thiên T tại 42 Đ, phường T, Tphố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Quá trình chung sống theo lời khai của chị N thì vợ chồng sống hạnh phúc được

hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau và hai người đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2017 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị N gửi đơn xin được ly hôn với anh T. Về phía anh T cũng đồng ý với các nội dung mà chị Nết đã trình bày và anh T đồng ý ly hôn với chị Nết.

Về con chung: Chị Lê Thị N và anh Ngô Thiên T xác nhận, vợ chồng có một con chung tên là Ngô Lê T C, sinh ngày 02-8-2011. Hiện nay con chung đang ở với chị N. Khi ly hôn chị Nết và anh T thỏa thuận giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng T cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Ngô Lê T C. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Chị Lê Thị N và anh Ngô Thiên T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký, các bên đương sự đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không có kiến nghị gì cần khắc phục.

- Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị N với anh Ngô Thiên T; Giao cháu Ngô Lê T C cho chị Lê Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Ngô Thiên T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Ngô Thiên T xác nhận chung sống với nhau, đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam, nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Xét về yêu cầu ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2017 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Tòa án đã nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc chứng tỏ

anh T đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình. Điều này khẳng định cuộc sống vợ chồng của anh T, chị N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho chị N được ly hôn với anh T là phù hợp pháp luật.

[3] Về việc nuôi con chung và tiền cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cũng có nguyện vọng được nuôi cháu Ngô Lê T C, cũng phù hợp với ý kiến của anh T và cháu Công, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Ngô Lê T C, sinh ngày 02-8-2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị N và anh Ngô Thiên T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị N được ly hôn với anh Ngô Thiên T. Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Xử giao cháu Ngô Lê T C, sinh ngày 02-8-2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị N chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2013/007732 ngày 26 tháng 02 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Tphố Huế; chị N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, Điều 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND Tphố H;
- CCTHADS Tphố H;
- UBND phường T, TP H;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA;
- Lưu: AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Đào Vi